

&&&

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2021.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/. Ông Nguyễn Văn Sơn.

\* Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 3/6/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2021 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Trần Thị Cẩm D, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

\* *Bị đơn*: Phạm Minh Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm D trình bày: Vào năm 2004, chị và anh Phạm Minh Đ tự nguyện tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau, cho đến nay anh, chị không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không còn chung sống với nhau. Sau đó anh, chị được gia đình hai bên hàn gắn nhưng đến nay anh, chị không thể chung sống với nhau nữa, vì không còn tình cảm và không quan tâm nhau. Nay chị yêu cầu Tòa

án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị với anh Đ là vợ chồng; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Minh Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian anh, chị sống chung, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh đồng ý với yêu cầu của chị D.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, về con chung, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Cẩm D và anh Phạm Minh Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh Đ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Trần Thị Cẩm D và anh Phạm Minh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng cho đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì trường hợp “*nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Vì vậy, việc chị D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị với anh Đ là vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Đ tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm D.

1/. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Cẩm D với anh Phạm Minh Đ là vợ chồng.

2/. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Đ tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0009927 ngày 3/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm. Anh Đ không phải chịu án phí.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**